

PHỤ LỤC V. BẢNG GIÁ GIÁ ĐẤT THUƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
I	XÃ MƯỜNG KIM								
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	595	320	189			
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	315	133	90			
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	550	310	182			
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	287	133	84			
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	287	126	84			
6	Các xã: Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu cũ			150	130	84	98	63	63
7	Xã Mường Kim cũ			360	250	160	180	90	70
II	XÃ KHOEN ON								
1	Xã Khoen On cũ			140	120	87	97	65	65
2	Xã Ta Gia cũ			360	250	160	180	87	65
III	XÃ THAN UYÊN								
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	4.200	1.330	665			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.940	1.050	476			
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	2.590	980	399			
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	2.170	840	350			
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.960	770	315			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 352	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 077 dự án chỉnh trang đô thị khu 8	2.590					
7	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.190	420	230			
8	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	560	224	105			
9	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	560	260	126			
10	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đỗ Khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	364	175	105			
11	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	630	252	120			
12	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	630	252	120			
13	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	630	252	120			
14	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	560	224	105			
15	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	560	224	105			
16	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	910	210	105			
17	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	217	147	98			
18	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	560	224	105			
19	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	560	224	105			
20	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	546	224	105			
21	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	300	168	105			
22	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	350	175	105			
23	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bán Đông	350	175	105			
24	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.610	630	294			
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	770	350	154			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
26	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đổi diện công Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	330	175	112			
27	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	770	350	154			
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	980	350	196			
29	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	560	224	105			
30	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	504	196	120			
31	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	770	350	154			
32	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	980	350	196			
33	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	630	252	120			
34	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	840	350	154			
35	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	630	252	120			
36	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	560	224	105			
37	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	560	224	105			
38	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	560	224	105			
39	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	350	175	105			
40	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trượng	308	160	105			
41	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	350	175	105			
42	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	350	175	105			
43	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	357	175	105			
44	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	560	430	189			
45	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	357	175	105			
46	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	357	175	105			
47	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	357	175	105			
48	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	357	175	105			
49	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	650	252	120			
50	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	546	260	126			
51	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	357	175	105			
52	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	700	280	120			
53	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	266	133	98			
54	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98			
55	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	330	175	112			
56	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	266	133	98			
57	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	133	98			
58	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	266	133	98			
59	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	330	175	112			
60	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	266	133	98			
61	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98			
62	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98			
63	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	266	133	98			
64	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	330	175	112			
65	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
66	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98			
67	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	217	147	98			
68	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	266	133	98			
69	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	266	133	98			
70	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	330	175	112			
71	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	266	133	98			
72	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112			
73	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	217	147	98			
74	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	266	168	112			
75	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	168	112			
76	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	168	112			
77	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	217	147	98			
78	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	217	147	98			
79	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	217	147	98			
80	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	217	147	98			
81	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	330	175	112			
82	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trại Y tế (Số nhà 002)	330	175	112			
83	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	330	175	112			
84	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	133	98			
85	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đầu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	217	147	98			
86	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	217	147	98			
87	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	217	147	98			
88	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98			
89	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98			
90	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	330	175	112			
91	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	217	147	98			
92	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98			
93	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	700	280	120			
94	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98			
95	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	266	133	98			
96	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	546	224	105			
97	Ngõ 429, đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 10	220					
98	Ngõ 13, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 10	220					
99	Ngõ 103, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 46	220					
100	Ngõ 86 đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 12.	220					
101	Nhánh 1 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà bà Thủy Đạt	đến đất nhà ông Nguyễn Thanh Phụng	497	308	175			
102	Nhánh 2 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Công Vi	đến Ngã 3 đường đi Mường Mít	497	308	175			
103	Nhánh 3 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 32	Ngã 3 đường đi Mường Mít	497	308	175			
104	Nhánh 4 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 33	đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Chín	497	308	175			
105	Nhánh 5 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Thư (ngã 3 đường nội đồng Khu 9)	Đến nhà bà Đỗ Thị Tuyết	497	308	175			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ								
106	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chứ	1.330	504	196			
107	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chứ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	910	357	140			
108	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	450	238	105			
109	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	450	252	105			
110	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	450	252	105			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ								
111	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	770	385	210			
112	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	434	252	105			
113	Đường đi bản Xuân Phương - Hua Than- Ên Luông	Từ hết ranh giới đất ông Hải Thủy	Sân vận động Hua Than	497	308	175			
114	Đường nối 279	Nhà máy thủy điện Nà Khảm	HTX dịch vụ nông nghiệp (bản Đông)	497	308	175			
115	Đường bản Ngà	Nhà bà Hoa Sừ	nhà văn hóa bản Ngà	497	308	175			
116	Đường nhánh Hua Nà	Trường THCS Hua Nà	Hết trường mần non Hua Nà	390	250	160			
117	Đường nhánh	Ngã ba (đường rẽ lên trụ sở UBND xã Hua Nà cũ)	Đầu đường Hảy Lậm	390	250	160			
118	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Than Uyên cũ			217					
119	Các xã: Mường Cang cũ, Mường Than cũ			500	310	180	290	170	91
120	Các xã Hua Nà cũ			390	250	160	180	91	67
IV	XÃ MƯỜNG THAN								
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ			595	320	189			
1	Quốc lộ 32	Cầu Nậm Phang	Đường rẽ vào bản Nà Phát	434	252	105			
2	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	823	411	224			
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	434	252	105			
4	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bản	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	770	385	210			
5	Xã Phúc Than cũ			713	439	254	300	180	90
6	Xã Mường Mít cũ			150	130	87	100	63	63
V	XÃ PẮC TA								
1	Xã Pắc Ta cũ			360	220	160	200	140	87
2	Xã Hồ Mít cũ			91	67	52	77	52	44
VI	XÃ NẬM SỎ								
1	Xã Nậm Sỏ cũ			93	67	54	77	54	43
2	Xã Tà Mít cũ			91	67	52	77	52	44
VII	XÃ TÂN UYÊN								
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.940	1.610	1.330			
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2.030	1.260	980			
3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	770	420	350			
4	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	2.170	1.260	980			
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.030	1.260	980			
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (cổng sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350			
7	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	380	294	182			
8	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	770	420	350			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
9	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350			
10	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	600	400	245			
11	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	660	434	259			
12	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.050	490	350			
13	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên cũ	600	400	250			
14	Phố Vũ A Dĩnh	Nguyễn Viết Xuân	Phố Lý Tự Trọng	700					
15	Phố Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phố Nguyễn Viết Xuân	700					
16	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	600	400	245			
17	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	287	190	154			
18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	660	390	245			
19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	660	390	245			
20	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	660	390	245			
21	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	480	310	203			
22	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	455	294	196			
23	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.400					
24	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	770	420	350			
25	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	315	210	160			
26	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	315	210	160			
27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	315	210	160			
28	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400					
29	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	320	168	133			
30	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	910					
31	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	910					
32	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	910					
33	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	910					
34	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700					
35	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700					
36	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	700					
37	Phố Nguyễn Tuấn	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	700					
38	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	800	482	456			
39	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	740	430	330			
40	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện cũ			470	260	203			
41	Ngõ 5 đường 7/3	Đường 7/3	Đường Võ Thị Sáu	630	370	230			
42	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện cũ			700					
43	Khu tự an chính trang có liên quan với sắp xếp dân cư Tổ dân phố 26 (bản Na Già)			700					
44	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Uyên cũ			165					
45	Xã Nậm Cắn cũ			150	110	84	110	70	52
46	Xã Trung Đồng cũ			350	220	160	200	140	84

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
47	Xã Thân Thuộc cũ			410	280	190	220	140	98
VIII	XÃ MƯỜNG KHOA								
1	Xã Mường Khoa cũ			140	110	87	110	67	54
2	Xã Phúc Khoa cũ			410	280	190	220	140	97
IX	XÃ BẢN BO								
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hung Phong	245	70	46			
2	Khu tái định cư xã Bản Bo (Toàn khu)			250					
3	Xã Bản Bo cũ			120	71	45	79	54	54
4	Xã Nà Tăm cũ			110	67	44	77	52	52
X	XÃ BÌNH LƯ'								
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1.960	380	245			
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	2.030	450	238			
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	1.470	315	182			
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	660	182	112			
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	660	182	112			
6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	700	182	112			
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	2.520	450	245			
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	980	238	175			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.610	434	189			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	2.310	450	203			
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	2.310	450	203			
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	2.170	450	203			
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	620					
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	650					
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	650					
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tĩnh	720	190	120			
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.050					
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260					
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260					
20	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.190					
21	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.050					
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050					
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.190	260	133			
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050					
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	980	238	133			
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	980					
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	840					
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	440					
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	413					
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	980					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.820	434	230			
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	980					
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	980					
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260					
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050					
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.820					
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.030					
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.030					
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tổ Hữu	440	168	112			
40	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	440	168	112			
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189			
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154			
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189			
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154			
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189			
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154			
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	245					
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	455					
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	580					
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	294	126	98			
51	Đường Vừ A Dính	Giao với nút giao đường Bế Văn Đàn - đường Thanh Niên	Giao với đường Tác Tình	120					
52	Đường Lò Văn Hặc	Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	220					
53	Sắp xếp dân cư bản Tác Tình, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ	Toàn khu		170					
54	Đường Lương Định Của	Đường Trần Phú	Ngã 3 đi bản Nà Đôn, xã Bình Lư	670	180	117			
55	Ngõ 1 đường 21/9	Đầu đường	Cuối đường	840					
56	Đường Bế Văn Đàn	Đường Phan Đình Giót	Đường Vừ A Dính	120					
57	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ			100					
58	Xã Sơn Bình cũ			230	69	44	77	52	52
59	Xã Bình Lư cũ			260	140	98	214	129	63
XI	XÃ TÀ LÈNG								
1	Di chuyển dân cư bản Phố Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu)			170					
2	Xã Hồ Thầu cũ			170	69	44	77	52	52
3	Xã Giang Ma cũ			170	68	43	76	43	43
4	Xã Tà Lèng cũ			110	67	44	74	52	52
XII	XÃ KHUN HÁ								
1	Quốc lộ 32	Giáp địa phận phường Tân Phong	Hết địa phận xã Khun Há	175	105	70			
2	Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)			170					
3	Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)			170					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
4	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bàn Hòn cũ			110	67	44	77	52	52
5	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ			100	63	42	63	42	50
XIII	XÃ SIN SUỐI HỒ								
1	Khu tái định cư xã Thèn Sin cũ (Toàn khu)			170					
2	Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)			170					
3	Xã Sin Suối Hồ cũ			220	130	77	110	77	52
4	Xã Nậm Xe cũ			270	140	91	158	98	63
5	Xã Thèn Sin cũ			230	68	43	76	43	43
XIV	XÃ PHONG THỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	2.240					
2	Đường Điện Biên Phủ	Km20+200	Km21+85 (Hết đường đôi)	1.750	1.080	420			
3	Đường Điện Biên Phủ	Km21+85 (Hết đường đôi)	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	980	410	200			
4	Đường Điện Biên Phủ	Km0	Km1 + 100	2.170					
5	Đường Điện Biên Phủ	Km1 + 100	Km1 + 600	1.750	1.050				
6	Quốc lộ 4D	Từ Km1 + 600	Km6 + 300	770	510	310			
7	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	550	340	230			
8	Quốc lộ 4D	Km6 + 900	Đầu nối quốc lộ 100	150	90	80			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	910	406	210			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.540					
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.750					
12	Phố Bé Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.330					
13	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.330					
14	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.330					
15	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.330					
16	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.050					
17	Đường Chu Văn An	Phố Vừ A Dính	Ngân hàng chính sách	840					
18	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.330					
19	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.330					
20	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.050					
21	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
22	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	840					
24	Quốc lộ 12	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ)	480	290	220			
25	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
26	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
27	Phố Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
28	Phố Phan Đình Giót	Tiếp giáp phố Trần Can	Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
29	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Hòa Bình	1.260					
30	Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết			200					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
31	Phố đi bộ	Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12)	2100					
32	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng								
32.1	Quốc lộ 12	Tiếp giáp đường số 5	Tiếp giáp đường số 8	1.600	1.000				
32.2	Đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	Tiếp giáp đường số 5	600					
32.3	Đường số 5	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	800					
32.4	Đường số 8	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 3	800					
32.5	Đường số 9	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 5	800					
32.6	Đường số 13 (đường cắt)	Tiếp giáp đường số 3	Cuối đường	600					
32.7	Đường số 15	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 1	800					
33	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ			800					
34	Xã Mường So cũ			800					
35	Xã Ma Li Pho cũ			800					
36	Xã Huổi Luông cũ			600					
XV	XÃ DÀO SAN			600					
1	Xã Đào San cũ			600					
2	Xã Tung Qua Lìn cũ, xã Mù Sang cũ			800					
XVI	XÃ SÌ LỖ LẦU			80					
1	Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Sỉ Lở Lầu cũ			530	290	180	200	130	80
2	Xã Mỏ Sỉ San cũ, xã Pa Vây Sứ cũ			320	170	110	160	120	67
XVII	XÃ KHỔNG LÃO			270	140	91	158	100	63
1	Xã Khổng Lão cũ								
2	Xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ			270	140	91	160	98	63
XVIII	XÃ TÙA SÍN CHẢI			220	120	77	110	77	52
1	Xã Làng Mỏ cũ, xã Tá Ngáo cũ								
2	Xã Tủa Sín Chải cũ			230	120	77	110	77	54
XIX	XÃ SÌN HỒ			220	120	77	110	77	52
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện						
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	340	180	110	160	120	67
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Chèo Mỹ Lai	320	170	110	160	120	67
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba- đường vào xã Tá Phìn cũ)						
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	130	77	43	65	43	43
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	84	44	42	44	42	42
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Từ ranh giới đất nhà ông Từ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)						
8	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1.120	620	238			
9	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường Mầm non	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	1.120	620	238			
10	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	860	380	200			
11	Phố Vừ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	329	170	118			
12	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	860	380	196			
13	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	450	238	126			
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	350	180	118			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
15	Phố Bể Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	860	380	196			
16	Phố Bể Văn Đàn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	640	320	200			
17	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đổi diện chợ cũ)	640	315	196			
18	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	460	250	130			
19	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.120	620	238			
20	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	640	315	196			
21	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	330	196	112			
22	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	490	252	133			
23	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	400	180	117			
24	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	450	238	126			
25	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	1.260	840	434			
26	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	1.190	650	420			
27	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	1.120	570	350			
28	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khánh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	450	238	126			
29	Đường nội thị	Ranh giới đất Dây nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	266	133	98			
30	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sin Hồ Vây	252	133	90			
31	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	252	133	90			
32	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	252	133	90			
33	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	640	315	196			
34	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	Đầu cầu Hoàng Hồ (giáp bản Hoàng Hồ)	390	190	112			
35	Đường nội thị	Đầu cầu Hoàng Hồ	Hết bản Hoàng Hồ	266	133	98			
36	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa)	Phố Bể Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ))	266	133	98			
37	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Lê Lợi	Đường nội thị (Đoạn đường từ Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa) đến Phố Bể Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ))	266	133	98			
38	Đường nội thị giáp dây nhà phía Tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ-Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Đình - Cáp	850	510	259			
39	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Sin Hồ cũ			238	112	90			
40	Xã Sả Dề Phìn cũ, xã Phăng Sô Lin cũ, xã Tả Phìn cũ)			238	112	90			
XX	XÃ HỒNG THU			470	240	190			
1	Xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ			470	240	190			
2	Xã Ma Quai cũ			470	240	190			
XXI	XÃ NẬM TẮM			470	230	190			
1	Xã Nậm Tắm cũ			450	240	130			
2	Xã Lùng Thàng cũ, xã Nậm Cha cũ			150					
XXII	XÃ PU SAM CÁP			120	77	44	67	42	42
1	Xã Pa Khóa cũ, xã Noong Hèo cũ								
2	Xã Pu Sam Cáp cũ			120	77	42	67	42	42
XXIII	XÃ NẬM CUỐI			130	77	43	65	43	43

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
1	Xã Nậm Hân cũ								
2	Xã Nậm Cuối cũ			260	110	67	87	54	43
XXIV	XÃ NẬM MẠ			120	77	44	67	42	42
1	Xã Nậm Mạ (gồm xã Cấn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)								
XXV	XÃ LÊ LỢI			130	77	43	65	43	43
1	Xã Pú Dao cũ			84	44	42	44	42	42
2	Xã Nậm Pi cũ								
3	Xã Chấn Nưa cũ			84	44	42	44	42	42
4	Xã Lê Lợi cũ			130	77	43	65	43	43
XXVI	XÃ NẬM HÀNG								
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	130	77	43	65	43	43
2	Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Cổng Trường THPT						
3	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	91	64	44	63	42	42
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	70	42	32	42	32	32
5	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	259	113	65	87	54	43
6	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	110	70	54	67	42	42
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền						
8	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	620	500	287			
9	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Mạnh cũ	620					
10	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	980	840	490			
11	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	300	196	133			
12	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	364	252	160			
13	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	590	450	322			
14	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	590	450	322			
15	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	590	450	322			
16	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	190	119	105			
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	245	182	126			
18	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	840					
19	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Mạnh	520	413	238			
20	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	280	190	154			
21	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	280	190	154			
22	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	196	133	105			
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Bờ kè sông Đà	190	119	105			
24	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Bờ kè sông Đà	245	160	120			
25	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Trường Chinh	182	140	98			
26	Đường Lê Quý Đôn	Giao đường Lê Thái Tổ	Giao với bờ kè sông Đà	245	160	120			
27	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	280	190	126			
28	Phố Tô Vĩnh Diện	Giao với đường Phan Đình Giót	Giao với đường Lê Thái Tổ	280	190	126			
29	Phố Hoàng Công Chất	Giao với đường Lê Thái Tổ	Trụ sở UBND xã thị trấn Nậm Nhùn cũ	840	370	260			
30	Đường Nội thị (B1)	Từ tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	840					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
31	Đường Nội thị (D4)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	840					
32	Đường Nội thị (D5)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	840					
33	Đường Nội thị (D9)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	590					
34	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Nậm Nhùn cũ			520	410	240			
35	Xã Nậm Hàng cũ			590					
36	Xã Nậm Manh cũ			840					
XXVII	XÃ MƯỜNG MÔ			840					
1	Xã Mường Mô cũ			840					
2	Xã Nậm Chà cũ			840					
XXVIII	XÃ HUA BUM			840					
1	Xã Hua Bum cũ			112					
2	Xã Vàng San cũ thuộc huyện Mường Tè cũ			112	70	54	67	42	42
XXIX	XÃ PA TẢN			91	62	42	63	42	42
1	Xã Pa Tản cũ								
2	Xã Nậm Ban cũ			111	71	56	65	43	43
3	Xã Trung Chải cũ			70	42	32	42	32	32
XXX	XÃ BUM NƯA								
1	Xã Bum Nua cũ			95	68	43	65	43	43
2	Xã Pa Vệ Sù cũ			98	62	44	63	42	42
XXXI	XÃ BUM TỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	326	141	88	87	54	43
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	69	42	32	42	32	32
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	95	68	43	65	43	43
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiệu						
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiệu	Hết nhà ông Linh	120	83	56	76	43	43
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nua	77	52	42	63	32	32
7	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp						
8	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	750	435	372			
9	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	950	500	340			
10	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	750	435	372			
11	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	860	470	356			
12	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	860	470	356			
13	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp bản Mần	620	396	356			
14	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ (nhà dừng hạnh)	Đến bờ kè tam cấp (thôn 8)	860	470	356			
15	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim (thôn 2)	860	470	356			
16	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	860	470	356			
17	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	790	435	340			
18	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	860	470	356			
19	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu (thôn 10)	860	470	356			
20	Đường nội thị	Trụ sở UBND thị trấn cũ	nhà ông Vàng Văn Thắng (dạo)	620	396	340			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
21	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	620	396	340			
22	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	660	430	333			
23	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	620	396	340			
24	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa thôn 2	660	430	333			
25	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	620	396	340			
26	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH bản Bo	630	490				
27	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	700	420	315			
28	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	620	396	340			
29	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	620	396	340			
30	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	620	396	340			
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	620	396	340			
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12 cũ)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn cũ)	620	396	340			
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Quán Quê Hương (thôn 10)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	620	396	340			
34	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa Anh)	PETROLIMEX- Cửa hàng 06	620	396	340			
35	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	620	396	340			
36	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	560	420				
37	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San cũ	475					
38	Phố Cù Chính Lan	Đường Lê Đại Hành	Nhà ông Phòng (Huyện)	475	340	272			
39	Phố Nguyễn Tuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	860	470	372			
40	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.758	1.005	754			
41	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty TNHH MTV Liên Phương	770					
42	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	950	500	435			
43	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	620	396	340			
44	Đường Trần Đại Nghĩa	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km284+00 đến QL4H)	Nhà máy thủy điện Nậm Xi Lường Tỉnh	1170	580	435			
45	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Mường Tè cũ			1170	580	435			
46	Xã Can Hồ cũ			1080	540	412			
47	Xã Bum Tở cũ			1310	640	456			
XXXII	XÃ MUỜNG TÈ			860	470	356			
1	Xã Mường Tè cũ			620	396	340			
2	Xã Nậm Khao cũ			950	500	435			
XXXIII	XÃ THU LŨM			525	420	315			
1	Xã Ka Lăng cũ			120					
2	Xã Thu Lũm cũ			120	84	54	77	44	44
XXXIV	XÃ PA Ủ			100	63	44	63	42	42
1	Xã Pa Ủ cũ								
2	Xã Tá Bạ cũ			120	84	54	77	44	44
XXXV	XÃ MÙ CẢ			110	64	43	65	43	43
1	Xã Mù Cá								
XXXVI	XÃ TÀ TỎNG			110	68	43	65	43	43
1	Xã Tà Tổng			98	62	44	63	42	42

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
XXXIV	XÃ PA Ủ								
1	Xã Pa Ủ cũ			84	54	43	65	33	33
2	Xã Tá Bạ cũ			77	52	42	63	32	32
XXXV	XÃ MÙ CẢ								
1	Xã Mù Cả			79	54	43	65	33	33
XXXVI	XÃ TÀ TỔNG								
1	Xã Tà Tổng			79	54	43	65	33	33